

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 1

KHÓA 2014 - Kỳ thi ngày 12/05/2017 (Thứ bảy)

Ca 1: SV tập trung tại phòng thi lúc 14 giờ 00 ngày 12/05/2018

PHÒNG 1 (A5-206)

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
1	000001	319032141101	Hồng Phương An	21/12/1995	14CDMT			
2	000002	317034141101	Dương Thị An	10/10/1996	14CVHH			
3	000003	317022141101	Phạm Thị Hồng Ân	03/01/1996	14CVH1			
4	000004	317045141102	Lê Thị Tú Anh	11/01/1995	14CBC1			
5	000005	314044141101	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/01/1996	14CQM			
6	000006	318011141102	Nguyễn Đình Ánh	31/01/1996	14SLS			
7	000007	318011141103	Phạm Thị Minh Ánh	14/02/1994	14SLS			
8	000008	318022141103	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	28/03/1996	14CVNH			
9	000009	318022141104	Thái Thị Ngọc Bích	21/03/1995	14CVNH			
10	000010	315043141103	Võ Thanh Bình	02/06/1993	14CNSH			
11	000012	317022141103	Nguyễn Thị Minh Châu	28/04/1995	14CVH1			
12	000013	315043141108	Trần Thị Lan Chi	18/09/1995	14CNSH			
13	000014	318011141107	Nguyễn Thị Chung	13/02/1996	14SLS			
14	000015	315011141105	Phạm Thị Chung	16/05/1996	14SS			
15	000016	316011141102	Lê Cường	08/02/1996	14SGC			
16	000017	315043141111	Trần Thị Phương Dâng	14/02/1996	14CNSH			
17	000018	317011141105	Châu Thị Đào	07/04/1996	14SNV			
18	000019	317023141103	Lê Trương Y Diễm	28/09/1996	14CVH2			
19	000021	315032141106	Đặng Thị Ngọc Diệp	18/08/1996	14CTM			
20	000022	318011141113	Trần Văn Quý Đôn	10/05/1996	14SLS			
21	000023	317023141105	Cao Thị Đông	05/02/1996	14CVH2			
22	000024	319043141106	Nguyễn Hữu Đức	30/10/1996	14CDDL			
23	000025	315032141103	Hoàng Thị Quỳnh Dung	20/06/1996	14CTM			
24	000026	318022141108	Dương Ngọc Khánh Dung	09/10/1996	14CVNH			
25	000027	317023141106	Bling Đúng	16/03/1987	14CVH2			
26	000028	320032141110	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14/10/1996	14CTXH			
27	000029	318011141114	Ating Thị En	02/06/1995	14SLS			
28	000030	317046141111	Đào Thị Thùy Giang	24/05/1996	14CBC2			
29	000032	318011141116	Trịnh Minh Giới	02/10/1993	14SLS			
30	000033	319043141107	Nguyễn Thị Mỹ Hà	09/10/1993	14CDDL			
31	000034	319043141132	Đỗ Thị Thu Hà	09/03/1996	14CDDL			
32	000035	321022141110	Dương Thị Thanh Hà	22/01/1995	14SMN1			
33	000036	315011141111	Nguyễn Thị Hằng	23/02/1996	14SS			
34	000037	317045141111	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	19/05/1996	14CBC1			

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
35	000038	314044141105	Phùng Thị Hồng Hạnh	26/12/1996	14CQM			
36	000039	314022141109	Trần Thị Hậu	18/05/1996	14CHP			
37	000040	317023141109	Trần Thị Hậu	20/10/1996	14CVH2			
38	000041	317045141113	Nguyễn Thị Hiền	28/05/1996	14CBC1			
39	000042	319043141108	Nguyễn Văn Hiền	07/07/1996	14CDDL			
40	000043	318022141118	Nguyễn Thị Hiền	16/06/1996	14CVNH			

** Ghi chú: Sinh viên khi đi thi mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh*

Ấn định danh sách này có: 40 sinh viên Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

Tổng số bài thi:.....vắng.....tổng số tờ

Phòng Đào tạo

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

(Lập danh sách)

Duyệt kết quả

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 1

KHÓA 2014 - Kỳ thi ngày 12/05/2017 (Thứ bảy)

Ca 1: SV tập trung tại phòng thi lúc 14 giờ 00 ngày 12/05/2018

PHÒNG 2 (A5-207)

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
1	000045	315032141114	Lê Trọng	Hoài	06/05/1996	14CTM			
2	000046	319043141110	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	27/10/1996	14CDDL			
3	000047	319043141111	Võ Thị Ánh	Hồng	06/09/1995	14CDDL			
4	000048	315032141168	Huỳnh Thị Thanh	Hương	22/12/1996	14CTM			
5	000049	317023141111	Đặng Thị Mai	Hương	28/07/1996	14CVH2			
6	000050	318011141122	Đinh Thị Ngọc	Huyền	26/10/1996	14SLS			
7	000051	317023141112	Phan Thị Như	Huỳnh	01/01/1996	14CVH2			
8	000052	311032141112	Trần Thị Kim	Khánh	02/09/1996	14CTUD			
9	000054	317011141119	Tôn Thị	Không	28/08/1995	14SNV			
10	000055	318022141120	Trần Thị Thanh	Kiều	01/01/1996	14CVNH			
11	000056	313022141109	Nguyễn Thị	Lạc	22/03/1996	14CVL			
12	000057	317046141123	Phạm Thị Ngọc	Lan	17/07/1995	14CBC2			
13	000058	317023141113	Ung Thị Thu	Lan	06/07/1996	14CVH2			
14	000059	313011141121	Châu Thị	Lê	05/02/1996	14SVL			
15	000060	319032141117	Lê Diệu	Linh	23/01/1996	14CDMT			
16	000061	314022141114	Dương Thị Thu	Linh	17/08/1996	14CHP			
17	000062	315043141123	Lê Trần Diệu	Linh	19/09/1995	14CNSH			
18	000064	321023141121	Lê Hoàng Hoài	Linh	19/10/1996	14SMN2			
19	000065	317011141122	Lê Thị	Linh	15/05/1996	14SNV			
20	000066	315032141127	Phouthavong	Liphone	28/12/1993	14CTM			
21	000067	318022141124	Nguyễn Thị Thùy	Loan	21/07/1996	14CVNH			
22	000068	320021141123	Phan Thị	Lợi	25/08/1995	14CTL			
23	000069	318011141127	Nguyễn Lê Thành	Luân	02/01/1996	14SLS			
24	000070	318022141125	Bùi Thị Hiền	Lương	20/11/1996	14CVNH			
25	000071	320021141124	Trần Công	Lượng	19/03/1996	14CTL			
26	000072	317023141118	Trương Thị	Luyến	04/03/1994	14CVH2			
27	000073	318022141128	Nguyễn Hoàng	Ly	17/06/1996	14CVNH			
28	000074	315032141131	Vilaihong	Malaiphone	07/05/1992	14CTM			
29	000075	318022141129	Đoàn Thị Hồng	Minh	29/10/1995	14CVNH			
30	000076	316011141122	Alăng Thị	Móch	29/09/1996	14SGC			
31	000077	321011141128	Nguyễn Thị Tú	My	16/08/1995	14STH			
32	000078	319032141121	Lương Thị Thu	Mỹ	22/06/1996	14CDMT			
33	000079	317023141121	Ngô Thị	Nga	20/09/1995	14CVH2			
34	000080	314022141118	Nguyễn Phạm Thúy	Ngân	29/04/1994	14CHP			

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
35	000081	321011141129	Lý Thị Thủy Ngân	29/01/1996	14STH			
36	000082	318011141130	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	24/07/1995	14SLS			
37	000085	317023141123	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	11/06/1996	14CVH2			
38	000086	316011141131	Trần Thị Nhiên	01/05/1996	14SGC			

** Ghi chú: Sinh viên khi đi thi mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh*

Ấn định danh sách này có: 38 sinh viên Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

Tổng số bài thi:.....vắng.....tổng số tờ

Phòng Đào tạo

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

(Lập danh sách)

Duyệt kết quả

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 1

KHÓA 2014 - Kỳ thi ngày 12/05/2017 (Thứ bảy)

Ca 2: SV tập trung tại phòng thi lúc 15 giờ 30 ngày 12/05/2018

PHÒNG 3 (A5-206)

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
1	000087	317023141124	Lê Thị Thu	Nhung	23/12/1996	14CVH2			
2	000088	316011141132	Võ Thị Tuyết	Nhung	25/09/1996	14SGC			
3	000089	320032141144	Lê Thị Thu	Nhưng	13/06/1996	14CTXH			
4	000090	318011141133	Đặng Thị	Nữ	01/01/1996	14SLS			
5	000091	317023141126	Hoàng Thị Kiều	Oanh	14/05/1995	14CVH2			
6	000092	318011141134	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	05/12/1996	14SLS			
7	000093	316011141134	Thoummavong	Oudaikham	08/02/1995	14SGC			
8	000094	318011141135	Nguyễn Thị Hồng	Phi	04/06/1996	14SLS			
9	000095	320032141147	Bùi Thị Hằng	Phúc	12/03/1995	14CTXH			
10	000096	317022141130	Lê Mai Kim	Phụng	21/07/1996	14CVH1			
11	000097	311032141131	Dương Thị Hoài	Phương	29/09/1996	14CTUD			
12	000098	317046141138	Nguyễn Thị Ánh	Phượng	20/12/1995	14CBC2			
13	000099	317011141135	Dương Thị Ánh	Phượng	06/02/1996	14SNV			
14	000100	319043141121	Nguyễn Văn	Quang	02/11/1996	14CDDL			
15	000101	318011141138	Phạm Xuân	Quý	20/08/1993	14SLS			
16	000102	317023141128	Phạm Thị Thảo	Quyên	10/11/1996	14CVH2			
17	000103	313011141138	Mai Thị Tố	Quyên	12/09/1996	14SVL			
18	000104	317045141139	Đặng Đình	Quyên	06/04/1996	14CBC1			
19	000105	318022141144	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	12/11/1996	14CVNH			
20	000106	316011141140	Thonglatsamy	Sommay	07/08/1995	14SGC			
21	000107	318011141139	Đinh Thị Thu	Sương	23/04/1996	14SLS			
22	000108	318011141140	Lê Thị	Sương	14/09/1995	14SLS			
23	000109	320032141152	Nguyễn Thị Thịnh	Tâm	22/06/1996	14CTXH			
24	000110	319011141138	Nguyễn Thị	Tâm	26/05/1996	14SDL			
25	000111	319043141125	Võ Thị Hồng	Thắm	03/03/1996	14CDDL			
26	000112	317045141143	Lê Minh	Thành	14/03/1996	14CBC1			
27	000113	317046141148	Nguyễn Hữu	Thanh	01/03/1995	14CBC2			
28	000114	317045141146	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/05/1996	14CBC1			
29	000115	317046141150	Đinh Thị Thanh	Thảo	26/06/1996	14CBC2			
30	000116	317046141152	Trần Thị Thu	Thảo	27/09/1996	14CBC2			
31	000117	314044141121	Trần Bá	Thảo	07/11/1995	14CQM			
32	000118	315032141146	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/07/1995	14CTM			
33	000119	317023141130	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/07/1996	14CVH2			
34	000120	313022141120	Trương Thị Thu	Thảo	15/03/1996	14CVL			

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
35	000121	317045141147	Đào Thị Thê	20/02/1995	14CBC1			
36	000122	318011141144	Cao Văn Thế	29/07/1996	14SLS			
37	000123	318011141145	Huỳnh Thị Minh Thi	03/08/1996	14SLS			
38	000124	317034141117	Huỳnh Thị Hoàng Thiên	19/06/1996	14CVHH			
39	000125	319011141144	Phan Thị Thanh Thơ	07/08/1995	14SDL			
40	000126	317045141151	Trương Thị Hoài Thương	13/09/1996	14CBC1			
41	000127	315032141152	Trịnh Thị Hoài Thương	08/10/1996	14CTM			
42	000128	315032141155	Nguyễn Phương Thúy	15/03/1996	14CTM			
43	000129	318022141154	Đoàn Thị Thúy	08/09/1996	14CVNH			
44	000083	317046141134	Hà Thị Yến Nhi	15/08/1996	14CBC2			
45	000084	315043141132	Lê Thị Yến Nhi	10/05/1995	14CNSH			
46	000031	317022141107	Phạm Quốc Kiều Giang	24/07/1996	14CVH1			

* Ghi chú: Sinh viên khi đi thi mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh

Ấn định danh sách này có: 46 sinh viên Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

Tổng số bài thi:.....vắng.....tổng số tờ

Phòng Đào tạoCB coi thi 1CB coi thi 2CB chấm thi 1CB chấm thi 2

(Lập danh sách)

Duyệt kết quả

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 1

KHÓA 2014 - Kỳ thi ngày 12/05/2017 (Thứ bảy)

Ca 2: SV tập trung tại phòng thi lúc 15 giờ 30 ngày 12/05/2018

PHÒNG 4 (A5-207)

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
1	000130	318011141151	Nguyễn Thị Thúy	20/11/1996	14SLS			
2	000131	318011141152	Nguyễn Thị Thủy	13/05/1996	14SLS			
3	000132	317045141153	Trần Thị Thủy	20/02/1996	14CBC1			
4	000133	320032141161	Trần Thị Thủy	24/07/1995	14CTXH			
5	000134	317023141137	Trương Thị Thủy	08/11/1995	14CVH2			
6	000135	317045141155	Lê Thị Tình	17/03/1995	14CBC1			
7	000136	317046141156	Trần Nhân Tình	02/09/1995	14CBC2			
8	000137	314022141136	Trần Thị Tình	09/02/1995	14CHP			
9	000138	314044141125	Châu Quốc Toàn	01/05/1995	14CQM			
10	000139	314022141138	Nguyễn Thanh Tới	15/11/1996	14CHP			
11	000140	317045141157	Phạm Thị Ngọc Trâm	19/01/1996	14CBC1			
12	000141	317045141158	Phan Thị Thùy Trang	25/09/1996	14CBC1			
13	000142	320032141164	Nguyễn Thị Trang	05/11/1995	14CTXH			
14	000143	317022141146	Nguyễn Thị Trang	27/03/1996	14CVH1			
15	000144	318022141162	Phạm Thị Thùy Trang	16/10/1996	14CVNH			
16	000145	318011141156	Phan Thị Thùy Trang	05/03/1996	14SLS			
17	000146	317046141161	Châu Tô Phương Trinh	20/02/1996	14CBC2			
18	000147	319032141140	Lê Thị Trinh	10/03/1996	14CDMT			
19	000148	319011141150	Nguyễn Thị Kim Trọng	27/06/1996	14SDL			
20	000149	317023141145	Phạm Thị Thanh Trúc	05/05/1995	14CVH2			
21	000150	319011141151	Y Trum	17/09/1996	14SDL			
22	000151	317045141162	Hứa Văn Trung	13/03/1995	14CBC1			
23	000152	317046141164	Nguyễn Đình Tuấn	06/10/1995	14CBC2			
24	000153	317046141165	Trương Minh Tùng	17/10/1996	14CBC2			
25	000154	318011141157	A Lăng Tuột	21/01/1993	14SLS			
26	000155	319043141128	Y Tuyên	04/01/1994	14CDDL			
27	000156	320021141150	Nguyễn Phước Tuyển	20/11/1995	14CTL			
28	000157	317045141164	Trần Thị Tuyết	04/04/1996	14CBC1			
29	000158	317022141150	Nguyễn Thị Tuyết	19/07/1996	14CVH1			
30	000159	318011141158	Phạm Thị Tuyết	01/08/1994	14SLS			
31	000160	317011141159	Phạm Thị Ánh Tuyết	10/01/1994	14SNV			
32	000161	317045141165	Đặng Thị Van	30/11/1996	14CBC1			
33	000162	314022141141	Trần Thị Thu Vân	12/06/1996	14CHP			
34	000163	311032141149	Huỳnh Thị Thảo Vân	08/06/1996	14CTUD			

TT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp SH	Mã đề	Ký nộp	Điểm
35	000164	315011141166	Lý Phạm Như Vân	25/12/1996	14SS			
36	000165	314022141142	Cao Đình Văn	11/09/1996	14CHP			
37	000166	317046141168	Lê Thị Xuân	20/11/1995	14CBC2			
38	000167	314044141131	Lê Thị Xuân	25/01/1996	14CQM			
39	000168	317023141151	Võ Thị Như Ý	10/05/1996	14CVH2			
40	000169	318011141161	Vương Thị Bảo Yến	23/02/1996	14SLS			
41	000170	318011141162	Nguyễn Thị Kim Yến	29/05/1996	14SLS			
42	000171	321022141157	Lê Thị Kim Yến	27/09/1996	14SMN1			
43	000044	317046141119	Phan Thị Lệ Hoa	10/05/1995	14CBC2			
44	000011	320032141105	Nguyễn Thị Hồng Cam	20/06/1992	14CTXH			
45	000053	318022141119	Phùng Văn Khoa	06/03/1992	14CVNH			
46	000063	317022141121	Lâm Thị Mỹ Linh	04/06/1996	14CVH1			

* Ghi chú: Sinh viên khi đi thi mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh

Ấn định danh sách này có: 46 sinh viên Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

Tổng số bài thi:.....vắng.....tổng số tờ

Phòng Đào tạo

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

(Lập danh sách)

Duyệt kết quả